TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:43/2023/HNGĐ-ST.
Ngày 07-7-2023.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Minh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Ông Trần Văn Hùng.

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Bùi Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Phan Thị T, sinh năm 1982 - Xin vắng mặt.
Địa chỉ: ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.
- *Bị đơn*: anh Lê Đức H, sinh năm 1974 - Xin vắng mặt.
Địa chỉ: ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Chị và anh H quen nhau khoảng 01 tháng thì tiến đến hôn nhân và tổ chức đám cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là thị xã T, tỉnh Tây Ninh). Sau khi kết hôn, vợ chồng chị cất nhà ra riêng. Năm 2003, chị sinh con đầu lòng. Lúc này anh H thay đổi tính tình, anh H thường xuyên uống rượu say về chửi bới, kiếm chuyện gây gỗ với chị. Chị khuyên nhủ thì bị anh H chửi rủa, đuổi đánh. Nhiều năm nay, chị cố

gắng nhẫn nhịn vì con nhỏ. Cách đây 9 tháng, anh H chửi bới, đánh đập chị. Vì quá uất ức nên chị bỏ về nhà mẹ ruột tại ấp F, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An sinh sống. Thời gian đó, anh H có thường xuyên đến nhà mẹ chị năn nỉ đoàn tụ, lo chí thú làm ăn. Vì muốn cho chồng thêm cơ hội nên chị đồng ý đoàn tụ. Tuy nhiên, anh H vẫn chứng nào tật nấy, anh thường xuyên uống rượu về nhà chửi bới, gây gỗ với chị và các con. Đến nay, mâu thuẫn giữa hai bên xảy ra ngày càng sâu sắc, trầm trọng hơn, tình cảm, quan hệ vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung là cháu Lê Phan Trung H1, sinh năm 2003, cháu Lê Phan Khánh P, sinh ngày 05/11/2011 và cháu Lê Phan Khánh V, sinh ngày 05/11/2011. Hiện các con đang ở cùng với vợ chồng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Lê Phan Khánh P, Lê Phan Khánh V, không yêu cầu anh Lê Đức H cấp dưỡng. Riêng cháu Lê Phan Trung H1 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Đức H trình bày:

Anh H trình bày thống nhất với chị T về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh H là do vợ chồng không hiểu nhau nên xảy ra mâu thuẫn và anh muốn đoàn tụ với chị Phan Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung là cháu Lê Phan Trung H1, sinh năm 2003, cháu Lê Phan Khánh P, sinh ngày 05/11/2011 và cháu Lê Phan Khánh V, sinh ngày 05/11/2011. Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị T ly hôn thì cháu Lê Phan Khánh P, Lê Phan Khánh V nếu có nguyện vọng sống chung với chị Phan Thị T thì anh để chị Phan Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Lê Phan Trung H1 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị T yêu cầu được ly hôn anh Lê Đức H.

Về con chung: Giao cháu Lê Phan Khánh P, sinh ngày 05/11/2011 và cháu Lê Phan Khánh V, sinh ngày 05/11/2011 cho chị Phan Thị T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Riêng cháu Lê Phan Trung H1 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

- Anh Lê Đức H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Lê Đức H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở;

Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn chị Phan Thị T, bị đơn anh Lê Đức H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H quen nhau khoảng 01 tháng thì tiến đến hôn nhân và tổ chức đám cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là thị xã T, tỉnh Tây Ninh) nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 6 năm 2021 đến nay. Chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thay đổi tính tình, anh H thường xuyên uống rượu say về chửi bới, kiếm chuyện gây gỗ với chị. Chị khuyên nhủ thì bị anh H chửi rủa, đuổi đánh, đỉnh điểm vào thấng 6 năm 2021 anh H chửi bới, đánh đập chị. Vì quá uất ức nên chị bỏ về nhà mẹ ruột tại ấp F, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An sinh sống. Thời gian đó, anh H có thường xuyên đến nhà mẹ chị năn nỉ đoàn tụ, lo chí thú làm ăn. Vì muốn cho chồng thêm cơ hội nên chị đồng ý đoàn tụ. Tuy nhiên, anh H vẫn chứng nào tật nấy, anh vẫn thường xuyên uống rượu về nhà chửi bới, gây gỗ với chị và các con. Anh H không thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn như chị T trình bày mà cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, do chị T tự ý bỏ về nhà cha mẹ vợ để ở nên vợ chồng ly thân từ tháng 01 năm 2022 đến nay, anh H cũng đã nhiều lần đặt vấn đề đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý. Xét thấy, mặc dù chị T và anh H không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng giữa anh, chị đã không còn sống chung một nhà từ tháng 02 năm 2022 cho đến nay. Bên cạnh đó Tòa án cũng tiến hành xác minh tại địa phương nơi chị T, anh

H sinh sống thể hiện vợ chồng chị T, anh H thường xuyên cãi vã nhau và vợ chồng chị T không còn sống chung nhà từ tháng 02 năm 2022 đến nay. Chị T kiên quyết ly hôn nên xác định mục đích hôn nhân giữa chị T và anh H không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: anh, chị có 03 người con chung là cháu Lê Phan Trung H1, sinh năm 2003, cháu Lê Phan Khánh P, sinh ngày 05/11/2011 và cháu Lê Phan Khánh V, sinh ngày 05/11/2011. Hiện các con đang ở cùng với chị. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Lê Phan Khánh P, Lê Phan Khánh V, không yêu cầu anh Lê Đức H cấp dưỡng. Riêng cháu Lê Phan Trung H1 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng. Anh Lê Đức H cũng đồng ý để chị Phan Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P, cháu V. Qua tham khảo ý kiến của cháu V, cháu P thể hiện, cháu V, cháu P cũng có nguyện vọng được sống với chị T nên cần giao cháu V, P cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Anh Lê Đức H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở;

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Phan Thị T đối với anh Lê Đức H. Chị Phan Thị T được ly hôn với anh Lê Đức H.

2. Về con chung: giao cháu Lê Phan Khánh P, sinh ngày 05/11/2011 và cháu Lê Phan Khánh V, sinh ngày 05/11/2011 cho chị Phan Thị T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu P, cháu V.

- Anh Lê Đức H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở;

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: chị Phan Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027131 ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

5. Báo cho chị T, anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Phước Chỉ;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Minh Tú